

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

- Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án **13**
Nguyễn Hữu Hưng
- Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**
Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh
- Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam **29**
Đoàn Ngọc Phúc
- Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu **40**
Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu
- Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**
Nguyễn Văn Toại
- Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**
Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc
- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt **65**
Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang **76**
Nguyễn Lan Duyên
- Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**
Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân
- Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay **108**
Võ Văn Dũng
- Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới **115**
Phạm Đi
- Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam..... **123**
Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh
- Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**
Ngô Văn Minh
- Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng **140**
Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 04/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2025

The 18th Year

Contents

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation **3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
2. Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**
Nguyen Huu Hung
3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province **19**
Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh
4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam **29**
Doan Ngoc Phuc
5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance **40**
Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu
6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**
Nguyen Van Toai
7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**
Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc
8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective **65**
Le Chi Cong, Nguyen Nam Son
9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**
Nguyen Lan Duyen
10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang
11. Factors affecting the healing process of Gen Z. **97**
Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien, Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran
12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam **108**
Vo Van Dung
13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**
Pham Di
14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**
Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh
15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century **132**
Ngo Van Minh
16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**
Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach

Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam

Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Email liên hệ: trongdv@due.edu.vn

Tóm tắt: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là chiến dịch quyết định đưa đến thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Thắng lợi vĩ đại này là kết quả của sự dày công chuẩn bị trên tất cả các mặt của Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1973 đến đầu mùa Xuân năm 1975. Nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng này nên cuộc Tổng tiến công Xuân 1975 ở Việt Nam đã diễn ra nhanh chóng và thắng lợi vang dội. Chỉ trong 55 ngày đêm, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Từ khóa: chuẩn bị, Tổng tiến công, nổi dậy, xuân 1975, Đảng Lao động Việt Nam.

The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party

Abstract: The 1975 Spring General Offensive and Uprising was the decisive campaign that led to the ultimate victory of the Vietnamese people's resistance war against the United States, for national liberation. This great victory was the result of the meticulous preparation of the Vietnam Labor Party from 1973 to the beginning of the spring of 1975. Thanks to this thorough preparation, the 1975 Spring General Offensive in Vietnam took place rapidly with resounding success. In just 55 days and nights, the Vietnamese army and people completely liberated the South, unifying the country on April 30, 1975.

Keywords: preparation, general offensive, uprising, spring 1975, Vietnam Labor Party.

Ngày nhận bài: 24/12/2024; **Ngày phản biện:** 26/12/2024; **Ngày duyệt đăng:** 20/3/2025

1. Đặt vấn đề

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là một trong những chiến dịch quân sự quan trọng nhất trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu thắng lợi quyết định của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Để làm nên thắng lợi vĩ đại này, công tác chuẩn bị về tư tưởng, quyết tâm; nhân vật lực, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đã được Đảng Lao động Việt Nam tiến hành kỹ lưỡng trong một thời gian dài, từ năm 1973 đến đầu mùa Xuân năm 1975. Sự chuẩn bị này đã đảm bảo lực lượng, vũ khí, lương thực tạo thế và lực cho cuộc tổng tiến công, làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

2. Âm mưu của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà

Sau những thất bại dồn dập trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương, Mỹ buộc phải lùi bước trong chiến tranh, đi đến ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn, 2005, tr.1079), cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và trong vòng 60 ngày kể từ khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ phải hoàn thành việc rút quân khỏi miền Nam Việt Nam (Cục Văn thư lưu trữ nhà nước, 2012, tr.10).

Thực hiện tiếp ý đồ đối với Việt Nam, khi rút quân đội, Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự đội lốt dân sự, lập lại Bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho quân đội Việt Nam Cộng hoà (Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn, 2005, tr.1079). Chính quyền Níchxon, sau đó là chính quyền Giêron Pho đã ra sức giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tăng cường lực lượng mọi mặt, như: củng cố và tăng cường quân đội, viện trợ quân sự và kinh tế, dùng quân Mỹ đóng ở Thái Lan và hạm đội 7 để "răn đe", đẩy mạnh hoạt động "ngoại giao toàn cầu" hòng hạn chế và ngăn chặn sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Mục tiêu của Mỹ là cô lập, làm suy yếu, đi đến thủ tiêu các lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam, xóa bỏ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, đặt

toàn miền Nam dưới quyền kiểm soát của chính quyền lệ thuộc Mỹ ở Sài Gòn (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2008).

Đối với Hiệp định Paris, Mỹ và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu không từ một thủ đoạn nào để phá hoại (Cục Văn thư lưu trữ nhà nước, 2012, tr.336). Do bị bắt buộc, Mỹ phải thi hành một số điều khoản, rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, tháo gỡ mìn ở miền Bắc, trao trả một bộ phận nhân viên quân sự và dân sự cho Chính phủ Cách mạng lâm thời. Nhưng đối với các điều khoản khác của Hiệp định, Mỹ không chịu thi hành, lại tìm cách vận dụng một cách xuyên tạc cho phù hợp với âm mưu và hành động. Đặc biệt, từ đầu năm 1974, chính quyền Mỹ đã công khai phá bỏ từng bước những cam kết đối với Hiệp định, xuyên tạc Hiệp định để hòng bào chữa cho việc Mỹ tiếp tục cam kết với Việt Nam Cộng hoà, hợp pháp hóa và kéo dài sự dính líu quân sự và can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Về phía chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, cũng giống như Mỹ thay vì nghiêm chỉnh thực thi Hiệp định Paris, tiến tới hiệp thương thống nhất đất nước, Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu lại lên một kế hoạch phát triển miền Nam theo hướng một quốc gia riêng biệt. Ngày 23/01/1973, sau phiên họp Hội đồng Nội Các, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đẩy mạnh việc thực hiện “chính sách và chương trình tái thiết, phát triển quốc gia” (Cục Văn thư lưu trữ nhà nước, 2012, tr.354). Với một kế hoạch tiếp tục chiến tranh được sắp sẵn, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ban hành Công điện hoả tốc số 004-TT/CD gửi Thủ tướng Chính phủ, các đô - tỉnh - thị trưởng, Tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam Cộng hoà “ra lệnh treo cờ trên toàn quốc” nhằm mục đích “tràn ngập lãnh thổ bằng cờ quốc gia để xác nhận phần đất và phần dân” (Tổng thống Việt Nam Cộng hoà, 1973). Tiếp đó, ngày 24/01/1973, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong bài phát biểu đăng trên hệ thống thông tin, đã ngoan cố tỏ rõ thái độ cố hữu đi ngược lại tinh thần của Hiệp định Paris, Ông lập đi lập lại nhiều lần miền Bắc và miền Nam là hai quốc gia riêng biệt, chính quyền Việt Nam Cộng hoà là chính quyền hợp pháp, hợp hiến duy nhất ở miền Nam Việt Nam và đồng thời Ông còn ngang nhiên khẳng định sẽ không có một chính phủ liên hiệp hay chính phủ ba thành phần nào ở miền Nam Việt Nam.

Trong thời gian này, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu liên tiếp mở những cuộc hành quân lấn chiếm các vùng do Chính phủ Cách mạng lâm thời kiểm soát, tiến hành bao vây kinh tế, đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích và chiến tranh tâm lý (Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn, 2005, tr.1080). Mục tiêu trước mắt là nhằm chiếm đất, giành dân, xóa bỏ hình thái da báo, hoàn chỉnh và củng cố vùng kiểm soát, thu hẹp rồi bước sau tiến tới xóa bỏ hoàn toàn vùng giải phóng, xóa bỏ Chính phủ Cách mạng lâm thời (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2008). Trong các vùng kiểm soát, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ráo riết “bình định”, “thanh lọc”, bắt lính, đôn quân và tiến hành vợ vét, bóc lột, cướp đoạt thóc lúa cùng nhiều của cải khác của đồng bào, chà đạp mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân, giết hại những người yêu nước, đàn áp, khủng bố bất cứ ai chống lại chúng, trắng trợn phủ nhận lực lượng chính trị thứ ba. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục giam giữ hàng trăm nghìn tù chính trị với một chế độ lao tù vô cùng dã man (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2008).

Như vậy, theo như thoả thuận của Hiệp định Paris, quân đội Mỹ sẽ rút về nước, nhưng vì danh dự và uy tín của chính mình, Mỹ vẫn không chịu từ bỏ Việt Nam. Thế nên, khi rút quân, Mỹ vẫn giữ lại cố vấn quân sự núp dưới bóng dân sự, lập lại Bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ kinh tế, quân sự cho quân đội Việt Nam Cộng hoà. Khi nhận viện trợ của Mỹ (tuy không bằng trước đó) và được sự chỉ huy trực tiếp của cố vấn quân sự Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hoà ngang nhiên phá hoại Hiệp định Paris. Với một kế hoạch tiếp tục chiến tranh được sắp đặt trước khi ký Hiệp định Paris, chính quyền Thiệu huy động gần như toàn bộ lực lượng, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân lấn chiếm các vùng do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam kiểm soát; đẩy mạnh hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý.

Để làm thất bại âm mưu của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà, vấn đề đặt ra cho cách Việt Nam đó là cần có một đường lối chính sách đúng đắn, sáng tạo, kịp thời để chuẩn bị mọi mặt nhằm phát huy sức mạnh hậu phương miền Bắc, cả nước và quốc tế cho miền Nam

tiến lên mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy “đánh cho Ngụy nhào” giải phóng hoàn miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Đảng Lao động Việt Nam chuẩn bị mọi mặt đưa cách mạng miền Nam tiến lên toàn thắng

3.1. Chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam

Trước những âm mưu của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà, nhằm đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc chặng đường tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua 18 năm, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) được triệu tập, Hội nghị đã nghe, thảo luận, phân tích Báo cáo của Bộ Chính trị với nhan đề “*Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới*” và ra nghị quyết số 227-NQ/TW ngày 13/10/1973 về vấn đề quan trọng này.

Cùng với việc đề cập chi tiết thắng lợi và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nghị quyết nhận định về âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hoà, những điểm mạnh và hạn chế của cách mạng Việt Nam sau năm 1973, từ đó dự báo tình hình ở miền Nam phát triển theo hai khả năng. Một là nhân dân Việt Nam từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định, hoà bình được lập lại thực sự và nhân dân miền Nam vượt qua khó khăn phức tạp để hoàn thành độc lập, dân chủ. Khả năng thứ hai là do đối phương phá hoại Hiệp định nên “ta lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để đánh bại địch, giành thắng lợi hoàn toàn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1973, tr.231). Khi cân nhắc các tình huống sẽ xảy ra, Hội nghị lần thứ 21 khẳng định vấn đề mấu chốt để hoàn thành công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà là “trong bất kỳ tình huống nào, phải nắm vững lực lượng vũ trang” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1973, tr.243).

Cuối năm 1973 - nửa đầu năm 1974, với những thắng lợi liên tiếp của ta đã chứng minh rằng, dù đã rất cố gắng về mọi mặt, song quân đội Việt Nam Cộng hoà vẫn không đủ sức đương đầu với Quân Giải phóng nói riêng, quân và dân miền Nam Việt Nam nói chung. Đến đây, thời cơ và điều kiện thuận lợi để ta tiến lên giải phóng miền Nam bắt đầu xuất hiện. Nối tiếp Nghị quyết lần thứ 21 (khoá III) của Ban Chấp hành Trung ương, một kế hoạch giải phóng miền Nam bắt đầu được triển khai hoạch định, cân nhắc và hoàn thiện từng bước theo thời gian diễn tiến trên chiến trường.

Ngày 21/7/1974, tại Đồ Sơn (Hải Phòng) đã diễn ra cuộc họp quan trọng dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và một số đồng chí trong Quân uỷ Trung ương và Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2015, tr.117). Tại cuộc họp, các đồng chí tham dự thống nhất đánh giá: Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn thành giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười, mười lăm năm nữa, chính quyền Việt Nam Cộng hoà gượng dậy được và các thế lực xâm lược phục hồi ... thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng ..., thời cơ này đòi hỏi phải làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo, có như thế mới tạo được bất ngờ, làm cho quân địch và các thế lực thù địch khác không kịp trở tay. Phải xây dựng kế hoạch chiến lược sao cho tạo được thời cơ chiến lược và sẵn sàng chớp thời cơ (Lê Duẩn, 1985, tr.362-363). Kết thúc cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn giao cho Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu soạn thảo Kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam để trình Bộ Chính trị vào tháng 9/1974 (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2015, tr.117).

Từ ngày 30/9 đến ngày 7/10/1974 và từ ngày 18/12/1974 đến ngày 8/01/1975 (Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn, 2005, tr. 1084), Bộ Chính trị tiến hành Hội nghị và Hội nghị mở rộng để thảo luận kế hoạch giải phóng miền Nam. Hội nghị cơ bản nhất trí với nội dung của bản dự thảo kế hoạch do Cục Tác chiến soạn thảo và xác định quyết tâm chiến lược: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân đội Việt Nam Cộng hoà, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ chính quyền Việt Nam Cộng hoà ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà. Ngay từ giờ, phải tiến hành mọi

công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất nhằm đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong hai năm 1975, 1976 và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975” (Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn, 2005, tr.1085). Đến ngày 31/3/1975, tận dụng thời cơ chiến lược quan trọng từ chiến thắng Phước Long và Buôn Ma Thuột, Bộ Chính trị họp nêu ra nhiệm vụ cụ thể giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Bộ Chính trị cho rằng thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã hoàn toàn chín muồi, cần có quyết tâm lớn để hoàn thành trận quyết định chiến lược cuối cùng tốt nhất trong tháng 4/1975.

Như vậy, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là văn kiện có giá trị lịch sử quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng trong giai đoạn quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21, quân dân cả nước, đã dồn sức, dồn lực, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị kỹ càng lực lượng và thế trận, chuẩn bị về mọi mặt đưa cách mạng miền Nam tiến lên toàn thắng. Kể từ đây, các hoạt động chuẩn bị được triển khai với quy mô chưa từng có và với nhịp độ hết sức khẩn trương.

Đến cuối năm 1973 - nửa đầu năm 1974, khi thời cơ và điều kiện thuận lợi để giải phóng miền Nam bắt đầu xuất hiện. Nối tiếp Nghị quyết lần thứ 21 (khoá III) của Ban Chấp hành Trung ương, một kế hoạch giải phóng miền Nam bắt đầu được triển khai hoạch định, cân nhắc và hoàn thiện từng bước theo thời gian diễn tiến trên chiến trường. Từ ngày 18/12/1974 đến ngày 8/1/1975, Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị mở rộng và thông qua lần cuối kế hoạch giải phóng miền Nam. Thực hiện quyết tâm đó, cả nước đã ra trận với những lực lượng to lớn và khí thế hào hùng, hướng tới trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất non sông.

3.2. Hoạt động chuẩn bị mọi mặt đưa cách mạng miền Nam tiến lên toàn thắng

3.2.1. Chuẩn bị tư tưởng, quyết tâm

Trong lãnh đạo cách mạng, công tác tư tưởng là nhiệm vụ phải tiến hành thường xuyên và trọng yếu của Đảng, công tác tư tưởng bao giờ cũng đi trước một bước, định hướng cho các mặt công tác khác. Thế nên, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn cuối, Đảng Lao động Việt Nam đã kịp thời chuẩn bị những nội dung mới của công tác tư tưởng để động viên cao độ sức mạnh của cả nước, nhằm chuẩn bị mọi mặt để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc theo như tinh thần các nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Khi Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà tăng cường các hoạt động chống phá Hiệp định Paris thì cũng là lúc những vấn đề đặt ra đối với cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam trở thành vấn đề cấp thiết. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 được triệu tập, từ việc phân tích, đánh giá âm mưu của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà, Hội nghị khẳng định: Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1973, tr.232). Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Hiện nay, phương hướng chủ động tích cực có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của cả nước là luôn luôn giương cao ngọn cờ hoà bình và chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, buộc địch phải thi hành Hiệp định để thắng địch (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1973, tr.232-233).

Thực hiện nhiệm vụ do Hội nghị Trung ương 21 vạch ra, từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta đẩy mạnh hoạt động tạo thế và lực cho chiến trường miền Nam. Các đoàn tiến công quân sự mạnh mẽ, kiên quyết của ta đã thúc đẩy tình hình chiến trường miền Nam chuyển biến mau lẹ ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Đặc biệt, chiến thắng Phước Long ngày 06/01/1975 chính là đòn thăm dò chiến lược để trên cơ sở đó, Đảng ta đánh giá khả năng Mỹ đưa quân trở lại là khó xảy ra (Bộ Quốc phòng - Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.65). Thế nên, ngày 08/01/1975, trong cuộc họp mở rộng, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược với quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975 (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1975, tr.196). Để huy động sức mạnh cả nước đưa cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi, Bộ Chính trị nhấn mạnh:

“động viên toàn quân toàn dân nêu cao ý chí tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1975, tr.196). Kể từ lúc này, hoạt động tư tưởng phải tập trung vào nhiệm vụ động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm thay đổi nhanh chóng, toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam, tiến hành khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi mở để cuộc tiến công chiến lược giải phóng miền Nam sau này.

3.2.2. Về nhân lực và vật lực

* Nhân lực

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương, ngày 24/10/1973, Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng được thành lập ở Tam Điệp (Ninh Bình), đây là quân đoàn cơ động dự bị chiến lược đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam. Đơn vị Quân đoàn bao gồm các sư đoàn bộ binh như Sư đoàn 308, 312, 320B và Sư đoàn phòng không 367, các trung, lữ đoàn binh chủng (Bộ tư lệnh quân đoàn 1, 2003, tr.5). Trên cơ sở bộ đội chủ lực được củng cố và phát triển, các quân đoàn chủ lực tiếp tục được tổ chức ở chiến trường miền Nam, như Quân đoàn 2 ở Trị - Thiên (17/5/1974) (Bộ tư lệnh quân đoàn 2, 2004, tr.7), Quân đoàn 4 ở Đông Nam Bộ (20/7/1974) (Đảng uỷ - Bộ tư lệnh quân đoàn 4, 2004, tr.88), Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) ở Nam Bộ (tháng 2/1975) và Quân đoàn 3 ở Tây Nguyên (26/3/1975). Sự ra đời của các quân đoàn chủ lực là bước phát triển mọi mặt của quân đội cách mạng Việt Nam. Mỗi binh đoàn quân số tương đương 3-4 sư đoàn, nó không phải là phép cộng thuần tuý từ sức mạnh đột phá của các sư đoàn chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam, mà đây là sự thay đổi về chất của việc chuẩn bị bộ đội chủ lực cho cuộc nổi dậy giải phóng miền Nam. Các binh đoàn chủ lực này thực sự là quả đấm thép, đủ sức để đánh bại quân đội Việt Nam Cộng hoà trong các chiến dịch, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước sau này.

Cùng với việc thành lập các quân đoàn chủ lực, thời gian này tại các vùng giải phóng miền Nam, ta huy động được 12.000 thanh niên gia nhập quân đội và phát triển bộ đội địa phương, dân quân du kích với các năm 1973 là 117.128 người, năm 1974 là 145.475 người và năm 1975 lên đến 296.184 người (Bộ Quốc phòng - Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.118). Đây là lực lượng có vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Trong các cuộc tiến công, lực lượng này sẽ phối hợp với bộ đội chủ lực đẩy mạnh hoạt động quân sự tạo thế bao vây, chia cắt lực lượng đối phương, phá hoại giao thông, kho tàng, căn cứ quân sự của quân đội Việt Nam Cộng hoà, làm suy yếu khả năng phòng thủ, nhất là khi quân chủ lực tiến vào các đô thị lớn, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân đồng loạt nổi dậy, tiếp quản chính quyền và cơ sở hạ tầng. Những hoạt động này đã góp phần làm tan rã nhanh chóng chính quyền Việt Nam Cộng hoà, đẩy nhanh quá trình giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để chuẩn bị cho cuộc nổi dậy giải phóng miền Nam theo như tinh thần các nghị quyết của Bộ Chính trị, trong những năm 1973 và 1974 miền Bắc Việt Nam vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa tăng cường sức người sức của vào miền Nam nhiều hơn bất kỳ thời gian nào trước đó (Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, 1995, tr.90), với quân số là 246.856 người, đến năm 1975 tăng thêm 238.646 người (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2015, tr.118). Bên cạnh việc tăng cường quân số, tổ chức khối chủ lực cơ động mạnh, trong những năm 1973, 1974 hàng vạn học sinh, sinh viên, nhà giáo, kỹ sư, công nhân... từ miền Bắc cũng được tăng cường cho lực lượng miền Nam. Nhiều cán bộ dân - chính - đảng ra Bắc trong thời gian trước nay đã về quê làm nhiệm vụ. Việc tăng cường lực lượng quân sự toàn diện cho cách mạng miền Nam trong những năm 1973 -1975, đặc biệt là quân đội chủ lực, đã làm tiền đề cho cuộc chiến đấu cuối cùng tất thắng cho thời gian sau đó.

Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng tiến công năm 1975, Đảng Lao động Việt Nam còn chú trọng đến lực lượng thứ ba. Đây là lực lượng quan trọng, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để giải phóng miền Nam. Lực lượng này bao gồm các thành phần xã hội không trực tiếp tham gia vào hai bên chiến tuyến, nhưng có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình chính trị và quân sự. Để tranh thủ lực lượng này, Đảng ta đã thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt

và khéo léo. Một mặt, ta đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giải thích rõ về chính nghĩa của cuộc kháng chiến, về đường lối hòa hợp dân tộc, về tương lai hòa bình và thống nhất đất nước. Mặt khác, ta tạo điều kiện để các lực lượng này tham gia vào các hoạt động yêu nước, các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi hòa bình. Nhờ đó, nhiều tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng thứ ba đã đứng về phía cách mạng, góp phần vào việc cô lập chính quyền Việt Nam Cộng hoà, làm suy yếu ý chí chiến đấu của quân đội đối phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Quân Giải phóng miền Nam tiến công và nổi dậy. Đáng lưu ý, khi Quân Giải phóng miền Nam mở cuộc Tổng tiến công, lực lượng thứ ba đã phối hợp hành động, góp phần cô lập chính quyền Việt Nam Cộng hoà, làm suy yếu ý chí chiến đấu của quân đội đối phương. Nhiều tổ chức, cá nhân đã đứng ra kêu gọi hòa bình, vận động binh lính buông súng, mở đường cho quân ta tiến vào giải phóng các đô thị.

** Vật lực*

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng cục Hậu cần đã xây dựng và triển khai Kế hoạch Hậu cần 3 năm (1973 - 1975), chủ động chuẩn bị cho thời cơ lớn (Dương Văn Rã, 2015). Trọng tâm là, củng cố, kiện toàn lực lượng hậu cần các cấp, tập trung xây dựng hậu phương, căn cứ địa tại chỗ; đẩy mạnh xây dựng, phát triển, hoàn thiện tuyến vận tải chiến lược, chiến dịch; điều chỉnh bố trí và mở rộng các căn cứ hậu cần; tổ chức vận chuyển, tăng cường chi viện vật chất hậu cần, kỹ thuật cho các chiến trường ... Thực hiện chủ trương đó, việc chuẩn bị chiến trường về hậu cần được tiến hành toàn diện ở các cấp.

Sau khi Hiệp định Paris được ký, ta đẩy mạnh xây dựng, phát triển tuyến giao thông vận tải chiến lược, mở rộng, hoàn thiện mạng giao thông đường bộ, đường ống trên cả hai phía Đông và Tây Trường Sơn, đảm bảo cho vận chuyển bằng cơ giới quy mô lớn, liên tục trong cả năm; đồng thời, phát triển mạnh mạng đường chiến dịch trên các chiến trường. Chỉ trong 02 năm (1973 - 1974), trên Trường Sơn, ta đã xây dựng được 5.560km đường mới (Bộ Quốc phòng - Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.379) nối với tuyến vận tải chiến lược, tạo nên hệ thống giao thông vận tải cơ giới thông suốt từ hậu phương lớn miền Bắc đến tất cả các chiến trường, địa bàn tác chiến, liên hoàn giữa tuyến chiến lược với tuyến chiến dịch và giữa các chiến trường, tạo khả năng cơ động cao để bảo đảm hậu cần cho tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn (Dương Văn Rã, 2015). Song song với xây dựng hệ thống đường chiến lược, hệ thống đường ống vận chuyển xăng dầu được xây dựng trong hai năm 1973 - 1974 đã nối từ hậu phương lớn vào tận chiến trường, dài 1.700km đủ sức cung cấp đầy đủ, kịp thời cho lực lượng cơ giới khi tác chiến ở chiến trường xa. Các kho, bến bãi ở trên trục giao thông chiến lược và chiến dịch được lập mới và mở rộng. Chỉ tính riêng chín tháng đầu năm 1973, miền Bắc đã chuyển vào miền Nam 140.000 tấn hàng, gấp 4 lần năm 1972. Đến cuối năm 1974, các mặt trận ở miền Nam đã có hàng vạn tấn vật chất, vũ khí (Bộ Quốc phòng - Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.143).

Với việc chuẩn bị hậu cần trong hai năm 1973 - 1974 đã tạo tiền đề cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân và dân ta ở miền Nam với nhịp điệu "một ngày bằng 20 năm" (Bộ Quốc phòng - Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.143). Từ sự cộng hưởng của những yếu tố nêu trên, đến cuối năm 1974, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam đã có đủ điều kiện để tiến lên giành thắng lợi.

3.2.3. Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế

Xuất phát từ bối cảnh quốc tế và tình hình cách mạng miền Nam từ sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương đẩy lùi khả năng Mỹ can thiệp trở lại; chuẩn bị dư luận quốc tế làm cho thế giới thấy Mỹ - Thiệu là kẻ phá hoại Hiệp định Paris; tiếp tục tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận thế giới đối với việc ta đánh ngày càng mạnh, giải phóng miền Nam (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.789). Để thực hiện có kết quả kế hoạch này, Đảng chủ trương cần tiếp tục đề cao và phát huy vai trò của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trên trường quốc tế bằng việc cử các phái đoàn của Chính phủ đến thăm một số nước, vận động các nước Angieri, Libi... công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Thông qua các tổ chức tiến bộ, các tổ chức quốc tế, nhân dân tiến bộ Mỹ ... kêu gọi họ ủng hộ cách mạng Việt Nam chống lại sự dính líu và can thiệp của chính phủ họ vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam, làm phân hoá chính phủ Việt Nam Cộng hoà với Mỹ, phân hoá nội bộ chính phủ Việt Nam Cộng hoà và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, hạn chế sự phản kích của Mỹ, đẩy lùi khả năng Mỹ và các thế lực nước lớn tìm cách cản trở cách mạng giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trước những hành động lấn chiếm, phá hoại Hiệp định Paris của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, Đảng Lao động Việt Nam đã vận động các nước, các tổ chức quốc tế lên án Mỹ - Thiệu, ủng hộ việc đánh trả của ta là hành động bảo vệ chính đáng. Ngày 03/01/1975, Đảng Cộng sản Ấn Độ cực lực lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ dung túng phá hoại Hiệp định Paris, đồng thời ủng hộ các sáng kiến hoà bình của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đoàn chủ tịch Đảng Cộng sản Đức cũng ra tuyên bố lên án Mỹ và Chính quyền Việt Nam Cộng hoà vi phạm, phá hoại Hiệp định Paris, đồng thời kêu gọi tất cả các lực lượng dân chủ và tiến bộ trong nước ủng hộ nhân dân miền Nam Việt Nam và đấu tranh đòi chấm dứt sự dính líu nguy hiểm của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Tại đất nước Xenegan ở Châu Phi cũng có những hành động thể hiện sự đoàn kết với Việt Nam bằng việc mở một cuộc triển lãm về miền Nam Việt Nam trong đấu tranh và xây dựng nhân kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đáng lưu ý, trong bài diễn văn khai mạc triển lãm ngày 18/12/1974, ông Đuđunơgôm - Bộ trưởng Bộ Giáo dục quốc gia Xenegan nêu rõ: Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vì độc lập dân tộc và hoà bình luôn được sự ủng hộ tích cực và tình đoàn kết của nhân dân chúng tôi ... Chính phủ và toàn thể nhân dân chúng tôi luôn chăm chú theo dõi tình hình diễn biến trên đất nước các bạn. Chúng tôi tin tưởng rằng, nếu Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris, tôn trọng chủ quyền của đất nước Việt Nam và chấm dứt ngay tức khắc sự xâm lược và những điều kiện cần thiết để lập lại hoà bình ở miền Nam Việt Nam (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.791).

Ngày 27/3/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Phần Lan cũng ra tuyên bố khẳng định sự ủng hộ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia; đòi Mỹ phải chấm dứt can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân các nước Đông Dương. Trong thời gian này, Chính phủ Anbani cũng ra tuyên bố "trong bất kỳ tình huống nào, nhân dân, Đảng Lao động và Chính phủ Cộng hoà Anbani cũng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam anh hùng đến thắng lợi hoàn toàn" (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.791). Ngoài ra, tháng 01/1975, hơn 3.000 người dân thủ đô Roma tham gia mít tinh ủng hộ Việt Nam. Cuộc biểu tình thông qua nghị quyết đòi Mỹ chấm dứt can thiệp quân sự ở Việt Nam, đòi đánh đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu; đòi thành lập ở Sài Gòn một chính quyền nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris; đòi chính phủ Italia phải công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hoà miền nam Việt Nam; ủng hộ nhân dân Việt Nam xây dựng lại đất nước (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.791). Ngay khi một số nước đồng minh của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam như Australia, New Zealand ... cũng phản ứng gay gắt trước hành động lấn chiếm, vi phạm Hiệp định Paris của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Khắp nơi trên thế giới đều dấy lên không khí mít tinh biểu tình ủng hộ cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam Việt Nam chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hoà.

Cùng với việc tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận thế giới cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, thời gian này Đảng Lao động Việt Nam còn ra sức tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế về mặt vật chất. Nhờ đó, các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục viện trợ quân sự và hàng hoá cho Việt Nam với tổng số 724.512 tấn (Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, 1995, tr.601). Tại các quốc gia khác, phong trào ủng hộ vật chất cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam cũng được phát động mạnh mẽ. Ngay khi chiến dịch Tây Nguyên mở màn, Đảng Cộng sản Nhật Bản đã quyên góp gần 7.290.000 Yên để ủng hộ nhân dân Việt Nam, Na Uy ủng

hộ 10.000 Krone, Cộng hoà dân chủ Đức ủng hộ 51.300 tấn hàng hoá ... (Bộ Quốc phòng và Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.791).

Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị mở cuộc tổng tiến công lớn, đối với các nước, hoạt động đối ngoại của ta đã rất thành công trong việc tranh thủ được sự đồng tình của nhân dân và chính giới yêu chuộng hoà bình, công lý, làm cho họ hiểu rõ thiện chí hoà bình của nhân dân Việt Nam, từ đó ủng hộ, cổ vũ hoặc ít nhất cũng không phản đối việc ta đánh mạnh hơn bằng cách giương cao ngọn cờ thi hành Hiệp định, chống phá chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Đến lúc đi vào giai đoạn quyết liệt chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, ngoại giao của ta cũng tranh thủ được sự đồng tình quốc tế bằng việc làm cho thế giới thấy rõ ta giải phóng miền Nam là phù hợp với nguyện vọng chính đáng của toàn thể dân tộc Việt Nam, với trào lưu dân tộc dân chủ trên thế giới. Vì vậy, trong suốt tiến trình diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ta vẫn tiếp tục nhận được sự đồng tình ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Đồng thời tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh của nhân dân Lào và Campuchia, tránh được âm mưu tách cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới.

4. Nhận xét

Qua nghiên cứu vấn đề “*Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam*”, chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau.

Thứ nhất, từ đầu năm 1973, sau khi ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam, mặt dù phải rút hết quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam vào ngày 29/3, nhưng đế quốc Mỹ vẫn đẩy mạnh trợ giúp, chỉ đạo quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hoà ra sức phá hoại Hiệp định Paris, tiếp tục chiến tranh, mở các chiến dịch tràn ngập lãnh thổ nhằm lấn chiếm vùng giải phóng, vùng tranh chấp, đặc biệt là khu vực đồng bằng đông dân, nhiều của nhằm xây dựng, củng cố địa bàn chiếm đóng, tạo thế đối trọng và làm suy yếu các lực lượng cách mạng. Trước tình hình ấy, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) được triệu tập, nghị quyết nhận định về âm mưu của Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hoà, những điểm mạnh và hạn chế của cách mạng Việt Nam sau năm 1973, dự báo tình hình cách mạng miền Nam, từ đó chỉ đạo các lực lượng cách mạng miền Nam phải kiên quyết phản công và tiến công địch, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đánh dấu bước chuyển quan trọng về chỉ đạo chiến lược của Đảng, là tiền đề cho trận quyết chiến chiến lược giữa cách mạng Việt Nam với Mỹ cùng với chính quyền Việt Nam Cộng hoà sau này.

Thứ hai, dưới ánh sáng tinh thần Nghị quyết lần thứ 21 (khoá III) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong hai năm 1973 - 1974 quân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã dồn sức, dồn lực, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị kỹ càng lực lượng, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, tinh táo đánh giá tình hình, nắm bắt thời cơ thuận lợi, độc lập tự chủ mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với ba chiến dịch tiến công: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh “đánh cho Ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thu non sông về một mối.

Thứ ba, chiến thắng vang dội mùa Xuân năm 1975 là kết quả và đỉnh cao của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Chiến thắng lịch sử này là kết tinh của cuộc kháng chiến trường kỳ do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo, đặc biệt là từ quá trình chuẩn bị khẩn trương, chu đáo, khoa học của Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1973 đến đầu mùa Xuân năm 1975.

Tài liệu tham khảo

Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995). *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Bộ Quốc phòng – Thành uỷ TP. Hồ Chí Minh (2010). *Đại thắng mùa Xuân 1975 sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc thời đại Hồ Chí Minh*. Nxb Quân đội nhân dân.

Bộ Quốc phòng và Thành uỷ TP. Hồ Chí Minh (2015). *Đại thắng mùa Xuân 1975 sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thời đại Hồ Chí Minh*. Nxb Quân đội nhân dân.

Bộ Tư lệnh quân đoàn 1 (2003). *Lịch sử Quân đoàn 1 (1973 - 2003)*. Nxb Quân đội nhân dân.

Bộ Tư lệnh quân đoàn 2 (2004). *Lịch sử Quân đoàn 2 (1974 - 2004)*. Nxb Quân đội nhân dân.
Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1973). *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam*.

Cục Văn thư lưu trữ nhà nước (2012). *Hiệp định Pari về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của Chính quyền Sài Gòn, tập 2: Ký kết và thực thi*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

Dương Văn Rã (2015). Công tác hậu cần trong đại thấn mùa Xuân năm 1975 và vấn đề đặt ra hiện nay. Truy xuất tại: <http://tapchiptd.vn/vi/ngay-ky-niem-lon/cong-tac-hau-can-trong-dai-thang-mua-xuan-1975-va-van-de-dat-ra-hien-nay/7415.html>, ngày 12/2/2015.

Đảng Cộng sản Việt Nam (1973). *Văn kiện Đảng toàn tập, t.34*. Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (1975). *Văn kiện Đảng toàn tập, t.35*. Nxb Sự thật.

Đảng uỷ - Bộ tư lệnh quân đoàn 4 (2004). *Lịch sử Quân đoàn 4 (Binh đoàn Cửu Long) 1974 – 2004*. Nxb Quân đội nhân dân.

Lê Duẩn (1985). *Thư vào Nam*. Nxb Sự thật.

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008). *Văn kiện Quốc hội toàn tập, tập 4 (1971-1976)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tổng thống Việt Nam Cộng hoà (1973). *Công điện số 004-TT/CD ngày 23 tháng 01 năm 1973*. Tài liệu lưu tại Trung Tâm lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.

Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm và Lê Mậu Hãn (2005). *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*. Nxb Giáo dục.